

XE ĐẦU KÉO SINOTRUK 4X2



CABIN

Thiết kế theo nguyên lý khí động học, giúp giảm lực cản gió và tối ưu mức tiêu hao nhiên liệu.



ĐÈN CHIẾU SÁNG

Công nghệ **Halogen Projector** có cường độ sáng cao, cải thiện tầm nhìn vào ban đêm.



GƯƠNG CHIẾU HẬU

Trang bị hai mặt kính cầu (gương góc hẹp và rộng), giúp mở rộng tầm quan sát và giảm điểm mù.



GHẾ LÁI

Cân bằng hơi êm dịu, được thiết kế tăng bề mặt tiếp xúc, giảm áp lực lên cơ thể tạo tư thế ngồi thoải mái

• KHÔNG GIAN CABIN

Rộng rãi, trang bị nhiều tiện nghi hiện đại, thuận tiện cho việc vận hành.



VỎ LĂNG

4 chấu với các phím chức năng giúp vận hành dễ dàng.



MÀN HÌNH AVN

Đa chức năng, hỗ trợ giải trí.



CHÌA KHÓA ĐIỀU KHIỂN TỪ XA

Điều khiển mở/khóa cửa từ xa, thuận tiện cho khách hàng.



HỆ THỐNG TRUYỀN ĐỘNG
THIẾT KẾ ĐỒNG BỘ,
SỬ DỤNG LINH KIỆN TỪ CÁC NHÀ CUNG CẤP
HÀNG ĐẦU THẾ GIỚI.



CHASSIS

Khung đà ngang được tối ưu
tăng độ bền và độ cứng cao.



HỆ THỐNG TREO

Nhíp lá, kết hợp giảm chấn thủy
lực giúp xe vận hành ổn định.



CẦU XE

Hộp dầm liên khối thiết kế chắc
chắn, tăng độ bền và khả năng
chịu tải.

ĐA DẠNG MÀU SƠN XE



THÔNG SỐ KỸ THUẬT		ĐƠN VỊ	SINOTRUK 4x2 MT
KÍCH THƯỚC			
Chiều rộng cabin	mm		2.285 (NX - Nóc cao)
Chiều dài cơ sở	mm		3.900
Kích thước tổng thể	mm		6.555 x 2.500 x 3.840
KHỐI LƯỢNG			
Khối lượng bản thân	kg		6.135
Tải trọng chuyên chở	kg		9.630
Khối lượng toàn bộ	kg		15.895
Khối lượng kéo theo	kg		33.630
Số chỗ ngồi trong cabin	Chỗ		02 (130 kg)
HỆ THỐNG TRUYỀN ĐỘNG - KHUNG GẮM			
Động cơ	Nhãn hiệu - kiểu loại		WEICHAI WP7.300E51
	Dung tích xy lanh	cc	7.470
	Công suất cực đại	Ps/rpm	300/ 2.100
	Momen xoắn cực đại	N.m/rpm	1.250/ 1.200-1.600
Hộp số	Nhãn hiệu - kiểu loại		FAST GEAR 9JS135T-B
	Tỉ số truyền		$i_{h1}=12.11; i_{h2}=8.08; i_{h3}=5.96; i_{h4}=4.42; i_{h5}=3.36; i_{h6}=2.41; i_{h7}=1.77; i_{h8}=1.32; i_{h9}=1.00; i_R=12.66$
Cầu xe (Trước/sau)			HANDE AXLE HDZ5.5 (6.5 tấn)/ HANDE AXLE HDZ440 (13 tấn)
Hệ thống treo (Trước/sau)			Nhíp lá, giảm chấn thủy lực/ Nhíp lá
Hệ thống phanh (Trước/sau)			Tang trống, khí nén 2 dòng
Hệ thống lái			Trục vít ecu-bi, trợ lực thủy lực
Thông số lốp xe (Trước/sau)			12R22.5
NỘI THẤT - TIỆN NGHI			
Ghế ngồi			Ghế tài: hơi, Ghế phụ : cơ, vật liệu ni
Giải trí			Màn hình AVN 7 inch
Hệ thống điều hòa			2 chiều, điều chỉnh tự động
Chìa khóa điều khiển từ xa			Có trang bị
Điều khiển kính cửa			Chỉnh điện
Điều khiển gương chiếu hậu			Chỉnh điện, sấy gương
Cruise Control			Có trang bị
ĐẶT TÍNH			
Khả năng leo dốc	%		≥25
Tốc độ cực đại	km/h		90-95
Thùng nhiên liệu	Lít		400



ĐỘNG CƠ WEICHAI THỂ HỆ MỚI

Dung tích xy lanh 7.470 cc
vận hành ổn định, tiết kiệm nhiên liệu



HỘP SỐ FAST GEAR

Có mô-men xoắn lớn
giúp động cơ luôn làm việc ở dải tốc độ tối ưu.



PHANH KHÍ XẢ